

THÔNG BÁO LUỒNG

Định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia sông Công (từ N3 Cầu – Công đến Cải Đan) và sông Thương (từ N3 Lác đến Bồ Hạ)

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 95/ĐTNĐPB-QLHT ngày 11/02/2019 của Chi Cục đường thủy nội địa phía Bắc về việc Báo cáo luồng định kỳ đường thủy nội địa quốc gia;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng định kỳ tuyến đường thủy nội địa quốc gia sông Công và sông Thương, như sau:

* Luồng đường thủy nội địa sông Công từ N3 Cầu - Công (Km0+000) đến Cải Đan (Km12+300) dài 12,3 Km.

- Bề rộng luồng 42m (tính từ tim luồng ra 2 bên, mỗi bên 21m) từ Km0+000 đến Km 2+360 và cao độ của điểm cạn nhất (tại Km1+580) trong khu vực thông báo: -2.52 (được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 Khz tính đến mực nước “số 0 Nhà nước”).

- Bề rộng luồng 32m (tính từ tim luồng ra 2 bên, mỗi bên 16m) Km2+360 đến Km 12+300 và cao độ của điểm cạn nhất (tại Km12+250) trong khu vực thông báo: -0.24 (được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 Khz tính đến mực nước “số 0 Nhà nước”).

* Luồng đường thủy nội địa sông Thương từ N3 Lác (Km0+000) đến Bồ Hạ (Km62+000) dài 62 Km.

- Bề rộng luồng 42m (tính từ tim luồng ra 2 bên, mỗi bên 21m) từ Km0+000 đến Km 62+000 và cao độ của điểm cạn nhất (tại Km13+750) trong khu vực thông báo: -2.69 (được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 Khz tính đến mực nước “số 0 Nhà nước”).

I. Tình hình mực nước

TT	Sông	Trạm đo mực nước (Mốc)	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian
1	Sông Công	SC-03 (Km7+800)	1.43	15h40 ngày 10/12/2018	0.59	08h00 ngày 13/12/2018
2	Sông Thương	DN-01 (Km0+500)	1.02	15h20 ngày 15/12/2018	0.01	17h20 ngày 19/12/2018

II. Tình hình luồng

STT	Tuyến	Sông	Vật chương ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
					Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
1	Km0+000 đến Km 12+3000	Sông Công	Dây điện	Km1+410	3.48	4.32	3.94	42m
			Dây điện	Km1+440	3.64	4.48	4.05	42m
			Dây điện	Km4+465s	3.16	4.00	4.15	32m
			Dây điện	Km11+350	2.46	3.30	2.96	32m
			Cầu Phù Lôi	Km1+550	3.11	3.95	4.14	42m
			Cầu Đa Phúc (Đường Sắt)	Km1+850	3.47	4.31	3.36	30m
			Cầu Đa Phúc (Đường Bộ)	Km2+360	3.29	4.13	4.42	30m
			Cầu treo Vạn	Km12+070	1.56	2.40	1.86	32m
2	Km0+000 đến Km62+000	Sông Thương	Dây điện	Km1+520	9.61	10.62	10.81	42m
			Dây điện	Km9+650	3.30	4.31	3.89	42m
			Dây điện	Km41+130	3.86	4.87	4.35	42m
			Dây điện	Km38+760	6.32	7.33	7.56	42m
			Cầu Bến Đám	Km21+800	5.99	7.00	6.48	42m
			Cầu Đồng Sơn	Km30+300	3.99	5.00	4.48	42m
			Cầu Xương Giang	Km32+150	3.36	4.37	4.05	42m
			Cầu Bắc Giang (Đường bộ)	Km34+350	3.67	4.68	4.16	42m
			Cầu Bắc Giang (Đường sắt)	Km34+420	2.63	3.64	2.99	24m
			Cầu Bến Tuần	Km51+750	4.85	5.86	5.34	30m

III. Bãi cạn

TT	Sông	Tên Bãi cạn trọng điểm- Lý trình	Độ sâu (h)	Mực nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1	Sông Công	Km11+950 đến Km12+300	1.27	1.01	-0.26	30m	350m	13/12/2018

IV. Một số điều lưu ý

- Các tuyến luồng sông Công (Km0+000-Km12+300); sông Thương Km0+000 – Km62+000) thuộc phạm vi tổ chức quản lý của Chi cục Đường thủy nội địa phía Bắc đảm bảo thông suốt, vị trí màu sắc, ánh sáng báo hiệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Tại khu vực cầu đường sắt Đa Phúc Km01+850 sông Công đang thực hiện điều tiết đảm bảo giao thông.

Các chủ phương tiện thủy lưu thông trên các tuyến sông đi đúng phạm vi luồng; cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu trên tuyến để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn. /.

Nơi nhận:

- Cục trưởng (đề b/c);
- Chi cục ĐTNĐ Bắc;
- Cảng vụ ĐTNĐ KV 1, 2;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Minh Toàn